

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/4/2025

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiênn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Duy Cảnh
2. Bà Chê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Mỹ Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “*Không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 39 Đường Phan Huy Chú, tổ 3 phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum

Nơi ở hiện nay: Số 01/10 đường Tân Thành, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1968; Địa chỉ: 39 Phan Huy Chú, tổ 3, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Mạnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị V chung sống với nhau 1992 không đăng ký kết hôn, chưa từng cầm giấy chứng nhận kết hôn, nếu có giấy kết hôn thì đây là giấy kết hôn giả. Chung sống đến năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi không hòa hợp cuộc sống gia đình, năm 2018 thì bà V yêu cầu làm đơn ly hôn tôi đồng ý, tháng 03/2022 thì tôi bị tai nạn, bà V giữ hết tiền của tôi làm tôi không có tiền chữa bệnh, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Lê Thị V.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thu Trang, sinh năm 1992 và Trần Quốc Đạt, sinh ngày 29/01/2007. Cháu Trang đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Đạt hiện đủ 18 tuổi cháu ở với ai thì ở nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Tài sản chung: Có 01 tài sản chung là một căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 32, tờ bản đồ 137, diện tích 263,7m². Đây là tài sản chung của vợ chồng tôi để lại cho các con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về tài liệu chứng cứ ông Trần Mạnh T đã nộp kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh cho việc không có đăng ký kết hôn hợp pháp là 01 Bản sao trả lời xác minh hộ tịch của UBND xã Hải Long ngày 19/8/2024.

** Bị đơn bà Lê Thị V trình bày:*

+ Trước lúc mở phiên tòa bà Lê Thị V trình bày:

- Về Hôn nhân: Bà Lê Thị V cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 đến nay, xuất phát từ việc ông T có quan hệ sống chung với người phụ nữ khác nên bỏ bê trách nhiệm với gia đình vợ con. Hiện tại ông T đã đi chỗ khác sinh sống nhiều năm nay nên về tình cảm vợ chồng không còn, ông T xin ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thu Trang, sinh năm 1992 và Trần Quốc Đạt, sinh ngày 29/01/2007. Cháu Trang đã lấy chồng có gia đình riêng, cháu Đạt hiện đủ 18 tuổi đang sống chung với bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Sau khi mở phiên tòa (ngày 17/3/2025) bà Lê Thị V trình bày: Bà có đơn đề nghị về việc ly hôn vắng mặt và có yêu cầu Tòa án phân chia 01 thửa đất, diện tích 263,7m², giá trị tạm tính 760 triệu đồng và 01 cái nhà khoảng 30 triệu đồng và nợ chung 730 triệu đồng và phân chí cho bà V nhiều hơn.

Tại phiên tòa ông Trần Mạnh T giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố ông và bà Lê Thị V không phải là vợ chồng.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị tuyên bố:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V là vợ chồng.

Về con chung; tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập tới.

Về án phí: Ông Trần Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] **Về thẩm quyền:** Nguyên đơn ông Trần Mạnh T có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị V. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ông T và bà V không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố ông và bà Lê Thị V không phải là vợ chồng. Bà Lê Thị V có hộ khẩu thường trú tại phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, các đương đã thống nhất thuận tình ly hôn; về con chung và tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bà V cho rằng bà và ông T có đăng ký kết hôn, nhưng bà không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Do ông T và bà V không có giấy đăng ký kết hôn hợp pháp, nên Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum phải quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 21/3/2025 bị đơn bà Lê Thị V đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ nhất không tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị về yêu cầu ly hôn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập và tổng đạt họp lệ quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn bà Lê Thị V, nhưng bà V vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặc dù ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V thừa nhận trong thời gian sống chung, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên ông T đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống, hai người đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V không phải là vợ chồng.

[2.2] Căn cứ pháp lý giải quyết yêu cầu của ông Trần Mạnh T:

Căn cứ Hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, thì: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”*.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà*

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này...”.

Tại công văn số 76/UBND-TP ngày 19/8/2024 của UBND xã Hải Long huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa trả lời xác minh hộ tịch thì UBND xã không đăng ký hôn và không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Trần Mạnh T.

Tại công văn số 36/UBND-TPHT ngày 04/02/2025 của UBND phường Trường Chinh trả lời về việc cung cấp thông tin cho Tòa án trả lời kết quả xác minh kiểm tra sổ lưu hộ tịch tại UBND phường từ năm 2004 đến nay không có trường hợp ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V đăng ký kết hôn tại địa phương.

Do đó, HĐXX xét chấp nhận quan điểm nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên xử, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Mạnh T, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V có 02 con chung là Trần Thu Trang, sinh năm 1992 và Trần Quốc Đạt, sinh ngày 29/01/2007. Cháu Trang đã trưởng thành có gia đình riêng. Cháu Đạt đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, ông T và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung.

- Về Tài sản chung: Trước khi mở phiên tòa ông T và bà V đều xác định có 01 căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 137, diện tích 263,7m² tại địa chỉ số 39 Phan Huy Chú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Cả ông T và bà V thống nhất để lại cho các con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ngày 17/3/2025 sau khi mở phiên tòa bà V có đơn đề nghị về việc yêu cầu ly hôn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất số 32, tờ bản đồ 137, diện tích 263,7m², giá trị tạm tính 760 triệu đồng và 01 cái nhà khoảng 30 triệu đồng và nợ chung 730 triệu đồng và phân chí cho bà V nhiều hơn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/01/2025. Tại biên bản hòa giải và biên bản thuận tình ly hôn (cùng ngày 17/01/2025) bà V không có yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất và căn nhà nói trên và không đề cập đến vấn đề nợ chung. Hiện vụ án đã được quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ nhất (ngày 21/3/2025) bà V vắng mặt không tham gia phiên tòa và không đến Tòa án làm việc và có đơn đề nghị vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay (ngày 16/4/2025) bà V tiếp tục vắng mặt nên Tòa án không có cơ sở xem xét, giải quyết

về việc phân chia tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu vắng mặt của bà. Do đó, về yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp bà V có yêu cầu về chia tài sản chung, nợ chung thì bà có quyền làm đơn khởi kiện ở vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông Trần Mạnh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Trần Mạnh T và bà Lê Thị V có 02 con chung là Trần Thu Trang, sinh năm 1992 và Trần Quốc Đạt, sinh ngày 29/01/2007. Cháu Trang đã trưởng thành có gia đình riêng. Cháu Đạt đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, ông T và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung.

3. Về Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp bị đơn bà Lê Thị V có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Ông Trần Mạnh T phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền **300.000** đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000100 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Bá Nghiê